

Bản án số: 148/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 4 – 2026.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Giàu.

2. Ông Nguyễn Nhật Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 794/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trà Thị Kim A, sinh năm 1963; thường trú: Số E khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957; thường trú: Số E khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trà Thị Kim A trình bày:

Bà Trà Thị Kim A và ông Nguyễn Văn S tự nguyện sống chung với nhau từ giữa năm 1987, bà A và ông S có làm đám cưới nhưng không đăng ký kết

hôn. Quá trình chung sống bà A và ông S có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Phi P, sinh ngày 26/02/1989.

Sau một thời gian chung sống thì bà A, ông S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, hay cãi nhau. Ông S thường xuyên uống rượu, đánh đập bà A rất nhiều lần, bà A có báo chính quyền địa phương can thiệp, địa phương có xuống khuyên răn nhưng ông S chỉ thay đổi một thời gian rồi lại tiếp tục uống rượu và đánh đập bà A. Do không thể sống chung nên bà A đã bỏ ra sống riêng từ năm 2022 đến nay, bà A và ông S không còn nói chuyện với nhau, không chia sẻ, quan tâm, chăm sóc nhau bất cứ vấn đề gì trong cuộc sống.

Nay bà A xác định đời sống chung của bà và ông Nguyễn Văn S không có hạnh phúc nên bà A yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông S.

- Về con chung: Bà A và ông S có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Phi P, sinh ngày 26/02/1989 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận không tham gia phiên tòa được nên bà Trà Thị Kim A yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông S thống nhất với bà A về quá trình tự nguyện sống chung, về con chung và yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Kim A. Tuy nhiên, ông S trình bày lý do không đăng ký kết hôn là do bà Trà Thị Kim A đã ly hôn trước đây với người khác nhưng khi đi đăng ký kết hôn không cung cấp được quyết định ly hôn, đồng thời cũng chưa đi trích lục được quyết định ly hôn nên ông S và bà Kim A chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn cho đến nay.

Ông S thừa nhận trước đây thường hay uống rượu vào và có dùng bạo lực gia đình với bà Kim A, bà Kim A có báo công an, chính quyền địa phương để can thiệp, địa phương có xuống khuyên răn. Do bà A và ông S không thể chung sống với nhau được nữa nên bà Kim A đã bỏ ra sống riêng từ năm 2022 đến nay, bà Kim A sống riêng tại nhà tạm ông S cất để bán tạp hóa trước đây. Mặc dù ở gần nhau nhưng ông S và bà A không nói chuyện hay chủ động hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay nhận thấy tình cảm với bà Kim A không còn nên ông S đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Trà Thị Kim A là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình sống chung, ông S và bà A có 01 con chung tên Nguyễn Thị Phi P, sinh ngày 26/02/1989 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trà Thị Kim A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công vợ chồng với bị đơn ông Nguyễn Văn S có đăng ký thường trú và sinh sống tại số nhà E khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bà Trà Thị Kim A và ông Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị Kim A và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ giữa năm 1987, tổ chức đám cưới nhưng không

đăng ký kết hôn. Tòa án đã phân tích, giải thích quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình cho các đương sự. Bà Trà Thị Kim A và ông Nguyễn Văn S đều thống nhất xác định quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp nhau nên hay cãi nhau, tình cảm không còn, không tiếp tục chung sống cùng nhau được. Do đó, bà Trà Thị Kim A khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà A và ông S là vợ chồng. Ông Nguyễn Văn S thống nhất với lời trình bày và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian sống chung bà Trà Thị Kim A và ông Nguyễn Văn S có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Đồng thời, bà Trà Thị Kim A và ông Nguyễn Văn S thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận bà A và ông S là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, ông S và bà A có 01 con chung tên Nguyễn Thị Phi P, sinh ngày 26/02/1989 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trà Thị Kim A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trà Thị Kim A là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23 tháng 11/2009;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Kim A đối với ông Nguyễn Văn S về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trà Thị Kim A và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Trà Thị Kim A và ông Nguyễn Văn S có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Phi P, sinh ngày 26/02/1989 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trà Thị Kim A là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh